

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM HÀ NỘI

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP XNK LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM HÀ NỘI

Năm 2021

Số: 184 /QĐ-BKS

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội .

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XNK LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM HÀ NỘI

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 4435/QĐ/BNN-TCCB ngày 9/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Lương thực Hà Nội thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần XNK Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 181/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.
- Điều 2.** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế đã ban hành ngày 09/8/2016.
- Điều 3.** Các ông (bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Trưởng phòng nghiệp vụ, Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 (để TH);
- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, TK HĐQT.



Phạm Thị Thanh Thủy



Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 181/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số.
2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Các Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm hoặc bãi miễn là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Kiểm soát viên được bổ sung hoặc thay thế đó;

Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung Kiểm soát viên.

3. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát mới được bầu và tiếp quản công việc, nhưng không quá 60 ngày, kể từ khi hết hạn nhiệm kỳ. Trường hợp do Hội đồng quản trị không tổ chức được Đại hội đồng cổ đông để bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới, thì Ban Kiểm soát cũng không được kéo dài nhiệm kỳ quá 06 tháng.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.

b) Phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty

d) Kiểm soát viên không được giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng nghiệp vụ.

e) Kiểm soát viên không phải là người trong Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong (03) năm liền trước đó.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện nêu tại Điều 5 Quy chế này

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;

b) Phân công nhiệm vụ cho các Kiểm soát viên và tổ chức thực hiện giám sát việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

c) Chuẩn bị nội dung, tài liệu và triệu tập các cuộc họp của Ban kiểm soát;

d) Tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra theo kế hoạch; hoặc kiểm tra theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 19 của Điều công ty;

e) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

f) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi Hội đồng quản trị không triệu tập;

g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Đề cử hoặc ứng cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

11
G
PH
I
A
T
N
1
v

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên đề cử người vào Ban kiểm soát và phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi miễn trong các trường hợp quy định sau:

a) Phát hiện không đủ tiêu chuẩn, điều kiện là Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Điều lệ công ty;

b) Bị toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật;

c) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao;

d) Bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

e) Không chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

f) Báo cáo không trung thực kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát;

g) Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng nhưng phải được các thành viên khác của Ban kiểm soát công nhận;

- h) Bị miễn nhiệm bất cứ vì lý do gì do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- i) Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên được thay thế, bổ sung trong các trường hợp sau:

- a) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 của Điều này;
- b) Hết nhiệm kỳ quy định tại khoản 3, Điều 51 của Điều lệ công ty;
- c) Tự nguyện xin từ chức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; hoặc được nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;
- d) Kiểm soát viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông là cá nhân, pháp nhân sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông đề cử vào Ban kiểm soát đề nghị miễn nhiệm; lý do miễn nhiệm theo nội dung thoả thuận hoặc quy chế đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông là cá nhân, pháp nhân đó; các Kiểm soát viên trong các trường hợp này đương nhiên bị thay thế.

3. Các trường hợp Kiểm soát viên bị miễn nhiệm hoặc thay thế theo quy định tại điểm a, d khoản 1 và điểm d khoản 2 của Điều này tạm ngừng điều hành công việc kể từ khi:

- a) Có bằng chứng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện là Kiểm soát viên hoặc có bằng chứng bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Bị các cơ quan có thẩm quyền khởi tố bắt tạm giam hoặc từ ngày tòa án tuyên án là có tội;
- c) Có đề nghị bằng văn bản thay thế, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông là cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông đề cử vào Ban kiểm soát.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;

16 / T' AN K HUC O . T .

- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình lên Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông

4. Xem xét, kiểm tra sổ kế toán và các tài liệu khác của từng vấn đề cụ thể có liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 19 của Điều lệ công ty.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 19 của Điều lệ công ty, Ban kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong phạm vi 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được kiểm tra lên Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ người quản lý, thì phải thông báo ngay bằng văn bản đến Hội đồng quản trị

và yêu cầu người vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm hoặc phải có biện pháp khắc phục hậu quả.

8. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết.

9. Xem xét ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc các cán bộ khác của Công ty.

10. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc các cán bộ khác.

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

13. Ban kiểm soát có quyền được sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí cho việc thuê tư vấn do Công ty chi trả nhưng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

15. Ban kiểm soát có quyền sử dụng cán bộ nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao. Giám đốc có nghĩa vụ phải thực hiện theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

16. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt báo cáo hoạt động, chi phí hoạt động và tiền thù lao trong báo cáo tài chính hàng năm; kế hoạch hoạt động và tổng kinh phí hoạt động, tiền hoặc thù lao của Ban kiểm soát năm kế hoạch.

17. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

18. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

19. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo hình thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành phải gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo hình thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý hoặc người lao động làm việc.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc

họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối họp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm do Ban kiểm soát xây dựng trên cơ sở kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức họp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường họp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Môi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội bao gồm VII chương 22 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và thay thế cho Quy chế đã ban hành ngày 09/8/2016.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM
HÀ NỘI
Q. HOÀN KIẾM- T.P HÀ NỘI
Phạm Thị Thanh Thủy

C.T.C.P
KQ